

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 01 – 2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1146/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1990; thường trú: 1/91, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1994; thường trú: 170/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng D tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 13/10/2016. Sau khi kết hôn, ông T và bà D sinh sống tại địa chỉ 1/91, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một khoảng thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cách sống, vợ chồng thường xuyên đánh nhau, cãi nhau, hiện nay vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà D, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng D.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà D có 01 người con chung tên Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/01/2017. Ngoài ra không còn con chung, con riêng nào khác. Sau khi ly hôn ông T đồng ý để bà Nguyễn Thị Hoàng D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của ông Lê Thanh T về quá trình quen biết nhau, đăng ký kết hôn. Bà D xác định quá trình chung sống ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cãi nhau, có đánh nhau, bà D cho rằng ông T có mối quan hệ bất chính bên ngoài nhưng không có chứng cứ chứng minh, ngoài ra ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, không chu cấp tiền bạc để bà D nuôi con chỉ mua tã, sữa cho con. Từ tháng 7/2018 bà D mang con về nhà mẹ ruột của 170/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương sinh sống, quá trình bà D đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống thì ông T không có ý định muốn đoàn tụ gia đình với bà D, đến tháng 10 năm 2018 bà D đưa con về nhà ông T sinh sống cho đến nay.

Nay bà ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì bà D không đồng ý vì bà D vẫn còn tình cảm với ông T và con chung con nhỏ.

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông T có 01 người con chung tên Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/01/2017. Ngoài ra không còn con chung, con riêng nào khác. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì sau khi ly hôn thì bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng D, yêu cầu giao con chung tên Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoàng D nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Hoàng D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 170/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D đã đến Tòa án cung cấp bản tự khai trình bà ý kiến nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D và xem như bà D từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng D được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 13/10/2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Lê Thanh T xác định sau khi chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian thì ông T, bà D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, bất đồng trong cách sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dù đã được hai bên gia đình hòa giải. Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D cũng xác định ông T và bà D sau khi kết hôn đến khoảng tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cách sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, bà D nghi ngờ ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Khoảng tháng 7 năm 2018 bà Tâm đưa con về nhà mẹ ruột của mình tại địa chỉ 170/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương sinh sống, quá trình bà D đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống thì ông Tâm không có ý định muốn đoàn tụ gia đình với bà D, đến tháng 10 năm 2018 bà D đưa con về nhà ông T sinh sống cho đến nay nhưng ông T, bà D không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay nguyên đơn ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà D. Bà D xác định vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà D không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mỗi người có một cuộc sống riêng,

không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không được. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà D có 01 người con chung tên Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/01/2017. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà D chăm sóc giáo dục. Xét thấy, cháu C hiện do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được đảm bảo tốt trong cuộc sống. Mặt khác, cháu C hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, ý kiến bà D và ông T về việc giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D không yêu cầu ông Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn và Nguyễn Thị Hoàng D, tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Thanh T giữ nguyên yêu cầu về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét quyền và nghĩa vụ nuôi con thuộc về cha mẹ, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là đã thực hiện nghĩa vụ của người làm cha và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của ông T về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 1/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Hoàng D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/01/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Lê Thanh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0024286 ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Thanh T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường T, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Hiệp